

Số: /BC-MNTT

Tiên Lãng, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO CÔNG KHAI THƯỜNG NIÊN THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN THỜI ĐIỂM THÁNG 1 NĂM 2026

PHỤ LỤC I

(Kèm theo Thông tư số 09 /2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường mầm non Tiên Thanh

2. Địa chỉ trụ sở

Địa chỉ: Thôn Hà Đói – Xã Tiên Lãng – TP. Hải Phòng

Email: tl-mntienthanh@haiphong.edu.vn

Website: <https://mntienthanh.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục

Trường Mầm non công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương, mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân. Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng của trẻ, giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng mối liên hệ mật thiết và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn, có uy tín về chất lượng chăm sóc - giáo dục trẻ.

Chăm sóc - giáo dục trẻ khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, phát triển toàn diện 5 lĩnh vực: thể chất - nhận thức - ngôn ngữ - thẩm mỹ - tình cảm, kỹ năng xã hội, trong đó bao gồm cả một số kỹ năng số đơn giản, phù hợp lứa tuổi làm tiền đề cho con người làm chủ cuộc sống trong thời đại công nghệ số sau này.

Xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, hạnh phúc, hiện đại, có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

5. Quá trình hình thành và phát triển

Nhà trường được thành lập theo Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 19/12/1991 về việc sát nhập nhà trẻ với mẫu giáo.

Đến tháng 7 năm 2025 chủ tịch UBND xã Tiên Lãng Quyết định số: 04/QĐ UBND Tiên Lãng ngày 01/7/2025 Quyết định về việc tiếp nhận các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập (Cấp học Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) được chuyển giao từ Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng (trước sắp xếp đơn vị hành chính về trực thuộc Ủy ban dân dân xã Tiên Lãng)

Trường có 01 điểm tại thôn Hà Đới xã Tiên Lãng thành phố Hải Phòng . Trên 30 năm thành lập và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (theo QĐ số 748/QĐ- KTKD ngày 01/9/2015 của Sở GD&ĐT)

6. Thông tin đại diện pháp luật

Họ và tên: Dương Thị Huyền Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Tiên Thanh -Thôn Hà Đới -Xã

Tiên Lãng- TP Hải Phòng Điện thoại: 0981.923.375

Email: tl-mntienthanh@haiphong.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

Nhà trường có một bộ máy hoạt động theo đúng chức năng thẩm quyền được phân công phụ trách, đảm bảo đúng người đúng việc được giao

Danh sách thành viên trong nhà trường

Danh sách cán bộ quản lý	Họ và tên	Chức danh, học vị, học hàm	Điện thoại,
Hiệu trưởng	Dương Thị Huyền	Cử nhân MN	0981923375
Phó hiệu trưởng	Bùi Thị Phương	Cử nhân MN	0961092879
	Đặng Thị Thu Thương	Cử nhân MN	0944374116
Bí thư chi bộ	Dương Thị Huyền	Cử nhân MN	0369056797
Phó Bí thư chi bộ	Bùi Thị Phương	Cử nhân MN	0961092879
BT Đoàn Thanh niên CS HCM	Hoàng Thị Liên	Cử nhân MN	0889361992
Tổ trưởng chuyên môn	Nguyễn Thị Nga	Cử nhân MN	0382094683
	Hoàng Thị Ái Phương	Cử nhân MN	0365387048
	Hoàng Thị Thu	Cử nhân MN	0984941658
	Lương Thị Lệ	Cử nhân MN	0369502881
	Phạm Thị Quỳnh	ĐH TC- KT	0966340885

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

	Tổng số	Nữ	Chia theo chế độ lao động			Dân tộc thiểu số	
			Biên chế	HĐ dài hạn	Hợp đồng	Tổng số	Nữ
Cán bộ, giáo viên, nhân viên	35	35	27	0	8	0	0
Đảng viên	23	23	21	0	2	0	0
Giáo viên giảng dạy	23	23	23	0	0	0	0
Hiệu trưởng	1	1	1	0	0	0	0
Phó hiệu trưởng	2	2	2	0	0	0	0
Nhân viên kế toán	1	1	1	0	0	0	0
Nhân viên bảo vệ	1	0	0	0	1	0	0
Nhân viên hỗ trợ giáo viên	0	0	0	0	0	0	0
Nhân viên khác (nuôi, y tế, văn thư)	8	8	0	0	8	0	0
Tuổi trung bình của GV	32	32					

TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ	Năm học 2025 -2026
Số giáo viên chưa đạt chuẩn đào tạo	0
Số giáo viên đạt chuẩn đào tạo	23/23
Số giáo viên trên chuẩn đào tạo	22/23
Số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp xã,	5
Số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0
Số giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp quốc gia	0
Số lượng sáng kiến, kinh nghiệm được cấp có thẩm quyền nghiệm thu	0

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Năm học 2025 -2026	Tháng 1/2026
Tổng diện tích đất sử dụng (m ²)	2950 m ²
Số phòng sinh hoạt chung(phòng học cho trẻ)	12
Phòng kiên cố	12/12
Số phòng ngủ	0
Số phòng GD thể chất	1
Số phòng GD nghệ thuật	0
Số phòng ngoại ngữ	1
Kho chứa thiết bị GD	0

Diện tích bếp ăn (m ²)	96 m ²
Diện tích kho chứa thực phẩm (m ²)	10 m ²
Diện tích phòng Hiệu trưởng (m ²)	18 m ²
Số phòng phó hiệu trưởng	2
Diện tích phòng GV (m ²)	0
Diện tích Văn phòng (m ²)	48 m ²
Diện tích phòng y tế (m ²)	20 m ²
Diện tích phòng thường trực, bảo vệ (m ²)	10 m ²
Diện tích khu đất làm sân chơi, sân tập (m ²)	320 m ²
Số phòng vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên	04
Số phòng vệ sinh cho trẻ	12
Diện tích khu để xe giáo viên và nhân viên (m ²)	52 m ²
Diện tích thư viện (m ²) chung Y tế	0
Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (cuốn)	190
Số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng và quản lý	05
Số máy tính dùng phục vụ học tập	12
Số máy tính được kết nối internet	17
Số thiết bị nghe nhìn	04
- Ti vi	13
- Hệ thống loa đài	01
- Đầu đĩa	0
- Đàn ooc-gan	01

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
Tiêu chí 1	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 5	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chí 2	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 6	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chí 3	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 7	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chí 4	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 8	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
Tiêu chí 1	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 4	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chí 2	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 5	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chí 3	<input checked="" type="checkbox"/>				
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt

Tiêu chí 1	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 4		<input checked="" type="checkbox"/>
Tiêu chí 2		<input checked="" type="checkbox"/>	Tiêu chí 5	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chí 3	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 6	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
Tiêu chí 1	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 2	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chuẩn 5: Kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
Tiêu chí 1	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 5	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chí 2	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 6	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chí 3	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 7	<input checked="" type="checkbox"/>	
Tiêu chí 4	<input checked="" type="checkbox"/>		Tiêu chí 8	<input checked="" type="checkbox"/>	

Tổng số các chỉ số đạt : 85/87 tỉ lệ 97,7%
Tổng số các tiêu chí đạt: 27/29 tỉ lệ 93.1%
Tổng số các tiêu chí không đạt: 2/29 tỉ lệ 6.9%

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC-GIÁO DỤC

	Tổng số tuyển sinh	Tổng số trẻ ra lớp đến 1/2026	Chia ra theo nhóm lớp			
			Nhà trẻ	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi
Số trẻ của trường	328	285	67	51	78	89
<i>Trong đó</i>						
- Trẻ nữ		144	28	25	46	45
- Trẻ dân tộc thiểu số		4	1	0	3	0
- Số trẻ được chăm sóc giáo dục theo CTGDMN của Bộ GD&ĐT quy định		285/285	67/67	51/51	78/78	89/89
+ Đánh giá số trẻ đạt		252/285= 88,4%	58/67 =86,6%	44/51 = 86,3%	69/78 = 88,5%	81/89 = 91%
+ Số trẻ cần cố gắng		33/285= 11,6%	9/67 =13,4%	7/51 = 13,7%	8/78 = 11,5%	9/89 = 9%
+ Số trẻ chưa đạt		0	0	0	0	0
- Số trẻ được cân đo khám sức khỏe đợt 2/T12/2025		285/285	67/67	51/51	78/78	89/89
+ Tỷ lệ trẻ có chiều cao phát triển kênh bình thường.		263/285= 92,3%	61/67 =91%	50/51 = 100%	71/78 = 91%	81/89 = 91%
+ Tỷ lệ trẻ có cân nặng phát triển kênh bình thường.		267/285= 93,7%	64/67 =95,5%	49/51 = 96%	72/78 = 92,3%	82/89 = 92,1%
Số trẻ mới nhập học		56	36	10	7	3
- Trẻ nữ		25	18	5	5	0

- Trẻ dân tộc thiểu số		4	1	0	3	0
Trẻ thuộc diện chính sách	1	0	0	0	0	1
- Con liệt sĩ	0	0	0	0	0	0
- Con thương binh, bệnh binh	1	1	0	0	0	1
- Hộ nghèo, cận nghèo	0	0	0	0	0	0
- Trẻ mồ côi cha hoặc mẹ	0	0	0	0	0	0
- Trẻ mồ côi cả cha, mẹ	0	0	0	0	0	0
- Diện chính sách khác	0	0	0	0	0	0
- Trẻ khuyết tật học hoà nhập	0	0	0	0	0	0

V. THU CHI TÀI CHÍNH

I. Khoản thu theo qui định

Căn cứ nghị quyết số 217/2025/QH 15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình GD phổ thông trong cơ sở hệ thống giáo dục quốc dân(Nghị quyết số 217/2025/ NQ 15)

II. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ giáo dục

Căn cứ Công văn số 6126/SGDDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 58/2025/NQ-HĐND Hải Phòng ngày 11 tháng 12 năm 2025 nghị quyết Quy định danh mục các khoản thu, mức thu, cơ chế quản lý thu, chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Nhà trường họp phụ huynh về điều chỉnh một số khoản thu theo Nghị quyết 58 như sau:

Stt	Danh mục các khoản thu	Số tiền	Ghi chú
1	Tổ chức ăn bán trú		
1.1.1	Bữa ăn bán trú	22.000đ/ trẻ/ ngày	
1.1.2	Phụ phí bán trú(chất đốt, điện, nước)	60.000đ/ trẻ/ tháng	(Thu đủ bù chi)
1.2	Mua sắm trang thiết bị bán trú(Công cụ, dụng cụ, vận dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân phục vụ cho dịch vụ bán trú)		
1.2.1	Đối với học sinh mới tuyển	250.000đ/ năm	
1.2.2	Các năm học tiếp theo	100.000đ/năm	

Stt	Danh mục các khoản thu	Số tiền	Ghi chú
1.3	Dịch vụ hỗ trợ hoạt động chăm sóc bán trú(Hỗ trợ người nấu ăn, vụ chăm ăn, trông trưa, quản lý và vệ sinh bán trú)	100.000đ/trẻ/tháng	Miễn giảm cho trẻ thuộc hộ nghèo, cận nghèo, con thương binh
2	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ		
2.1	Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em, học sinh ngoài giờ(Bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khoá, không bao gồm tiền ăn)	12.000đ/buổi/ 2 giờ	
2.2	DV trông giữ, CS trẻ ngày thứ 7 (cha mẹ trẻ em có nhu cầu)	40.000đ/ ngày	Không bắt buộc
3	Dịch vụ sử dụng điều hoà phục vụ trực tiếp cho nhu cầu học sinh (bao gồm tiền điện, chi phí sữa chữa, bảo dưỡng trong thời gian sử dụng)	40.000đ/ trẻ/tháng	Thu theo tháng thực dùng vào thời điểm nắng nóng
4	Trẻ mẫu giáo làm quen tiếng Anh	160.000đ/ 1 tháng	Không bắt buộc

III. Quyết toán các khoản Ngân Sách và thu chi học kỳ I năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Dư đầu kỳ	Thu	Chi	Tồn
1	Ngân sách năm 2025	0	6.271.086.069	6.271.086.069	0
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	4.994.982.999	4.994.982.999	0
	Chi lương và các khoản theo lương	0	4.481.515.268	4.481.515.268	0
	Chi nghiệp vụ chuyên môn, CSVN, chi khác	0	513.467.731	513.467.731	0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	1.276.103.070	1.276.103.070	0
	Chi hỗ trợ, miễn giảm học phí, hỗ trợ ăn trưa, tiền thưởng theo NĐ 73	0	1.276.103.070	1.276.103.070	0
2	Học phí	135 093 685	96.957.000	232.050.645	40

3	Các khoản dịch vụ giáo dục	22.460.499	1.070.040.216	1.080.392.715	12.108.000
3.1	Quản lý ngoài giờ hành chính	0	254.592.000	254.592.000	
3.2	Dịch vụ chăm sóc trẻ ngày thứ 7	0	73.160.000	73.160.000	
3.3	Phục vụ bán trú cho cá nhân học sinh	0	63.300.000	51.192.000	12.108.000
3.4	Hỗ trợ phục vụ hoạt động chăm sóc bán trú	0	111.000.000	111.000.000	
3.5	Trẻ MG làm quen tiếng anh	0	47.120.000	47.120.000	
3.6	Phục vụ ăn bán trú		520.868.216	543.328.715	

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Tổ chức công khai công tác tuyển sinh năm học 2025-2026.
- Công khai tài chính, CSVC, đội ngũ, chất lượng CSGD theo quy định.
- Kiện toàn các Ban chỉ đạo, phân công nhiệm vụ cụ thể.
- Ban hành quy chế thực hiện nhiệm vụ năm học.
- Tổ chức thành công “Ngày hội đến trường cho trẻ”, “Đón trung thu”, “Ngày hội chiến sĩ tỵ hon”, “Tết sum vầy, xuân yêu thương” tặng quà cho trẻ có hoàn cảnh khó khăn công khai trên Website, facebook của trường.
- Tu tạo môi trường đầu năm học mới và khắc phục sau bão.
- Ban hành các văn bản, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học mới tới toàn thể CBGVNV...

Trên đây là báo cáo công khai thường niên thời điểm tháng 1/2026 của trường mầm non Tiên Thanh./.

**T.M BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

Dương Thị Huyền

